

Bản án số: 36 /2026/HNGĐ-ST

Ngày 27/7/2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Tuyết Lan;

2. Bà Lưu Thị Ngân Hà;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lục Thị Ngọc Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2026, tại Trụ sở tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 22a/2026/QĐST - HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Cử Thị C, sinh năm 2000.

Căn cước công dân số 010300002515; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Giàng A T, sinh năm: 1999.

Căn cước công dân số 010099007477; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn D 1, xã D, tỉnh Lào Cai (nay là thôn D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Cử Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Chị Cử Thị C và anh Giàng A T đăng ký kết hôn ngày 20/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là xã D, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai lừa dối hay cưỡng ép kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn anh chị bất đồng quan điểm sống, do tính cách của anh chị không hợp nhau, anh T có quan hệ ngoài hôn nhân khiến cuộc sống chung vợ chồng trở lên mệt mỏi, sau mỗi lần xảy ra mâu thuẫn anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải xong tình cảm vẫn không cải thiện được, hiện tại cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Cử Thị C và anh Giàng A T đã ly thân từ tháng 9 năm

2025 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai, không còn quan hệ gì về tình cảm lẫn kinh tế. Quan điểm của chị C nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A T.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 04 người con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016; Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018; Cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023. Khi ly hôn, chị Cử Thị C đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016; Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018 cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu X và cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023 cho anh Giàng A T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu P và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản và công nợ: Chị Cử Thị C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Giàng A T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Giàng A T và chị Cử Thị C đăng ký kết hôn ngày 20/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là xã D, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai lừa dối hay cưỡng ép kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì, việc chị C cho rằng anh T có mối quan hệ tình cảm ngoài hôn nhân là không đúng, anh T chưa bao giờ đánh vợ, vào khoảng cuối năm 2025 chị C có xin đi làm công nhân ở khu vực Hải Phòng cùng chị em bên nhà

vợ, anh T đồng ý, từ đó vợ chồng tôi không thường xuyên gặp nhau, thi thoảng anh T có xuống thăm chị C. Hiện nay chị C về nhà và đang sinh sống ở bên nhà ngoại, có về thăm con nhưng không ở lại với bố con anh T và anh T không biết lý do gì. Bản thân anh T thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, có thể hàn gắn được nên anh T không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án tiến hành hoà giải cho vợ chồng anh chị được đoàn tụ.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 04 người con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016; Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018; Cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023. Hiện nay các cháu đều khoẻ mạnh, phát triển bình thường và đang ở cùng anh T nhà riêng của vợ chồng (Chị C không về nhà) các con vẫn do anh T chăm sóc. Quan điểm của anh T trong trường hợp chị C nhất quyết muốn ly hôn thì anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung không yêu cầu chị C cấp dưỡng.

Về tài sản và công nợ: Anh Giàng A T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án bị đơn anh Giàng A T làm bản tự khai, Tòa án tiến hành triệu tập anh T hòa giải tuy nhiên anh T không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Cử Thị C giữ nguyên quan điểm và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giàng A T và khi

ly hôn chị Cử Thị C đề nghị Tòa án xem xét giao con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016; Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018 cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu X và cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023 cho anh Giàng A T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu P và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Lào Cai phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Lào Cai thụ lý là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự đã được thực hiện theo đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự sửa đổi, bổ sung 2025; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Cử Thị C được ly hôn với anh Giàng A T.

Về con chung: Giao cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016; Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018 cho chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu X và cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023 cho anh Giàng A T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu Phong và cháu Dơ trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản và công nợ: Chị Cử Thị C và anh Giàng A T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Tuyên án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn nộp đầy đủ các chứng cứ theo quy định. Tranh chấp cần giải quyết trong vụ án là tranh chấp hôn nhân gia đình, theo khoản 1 Điều 28; Điều 35, khoản 1 Điều 39 - Bộ luật Tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung 2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Lào Cai.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của chị Cử Thị C trên cơ sở căn cứ lời khai của đương sự, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Cử Thị C và anh Giàng A T đăng ký kết hôn ngày 20/5/2019

tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện B, tỉnh Lào Cai (Nay là xã D, tỉnh Lào Cai) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và không bị ai lừa dối hay cưỡng ép kết hôn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn anh chị bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi Cí nhau, sau mỗi lần xảy ra mâu thuẫn anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải xong tình cảm vẫn không cải thiện được, hiện tại cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Cử Thị C và anh Giàng A T đã ly thân từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay, không ai quan tâm tới ai, không còn quan hệ gì về tình cảm lẫn kinh tế. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị Cử Thị Chứ là có căn cứ, phù hợp theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh chị có 04 người con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016; Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018; Cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023. Khi ly hôn, chị Cử Thị C đề nghị Tòa án giao con chung là cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016; Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018 cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu X và cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023 cho anh Giàng A T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu P và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào. Khi ly hôn anh T có đề nghị Tòa án giao cho anh nuôi cả 04 người con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay anh T và chị C đều làm nông nghiệp, ông Giàng A D là trưởng thôn tại thôn D 1, xã D, tỉnh Lào Cai xác nhận mức thu nhập bình quân tại địa phương của người lao động thu nhập từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, anh chị có 04 người con chung vì vậy không thể giao hết cho một người nuôi dưỡng, kể từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn chị C bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống 04 người con sống cùng anh T và do anh T chăm sóc, tuy nhiên với mức thu nhập của anh T không đảm bảo cuộc sống của cả 04 con chung vì vậy đề nghị của chị Cử Thị C đề nghị Tòa án giao cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016 và cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018 cho chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu X và cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp, mặt khác cháu X và cháu P là con gái, các cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ, đối với cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020 và cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023 đều là con trai từ khi anh chị xảy ra mâu thuẫn các cháu đều do anh T chăm sóc vì vậy cần giao cháu P và cháu D cho anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu đến khi cháu P và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi là phù hợp cần được chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản và công nợ: Chị Cử Thị C và anh Giàng A T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Đối với đề nghị áp dụng của đại diện viện kiểm sát xét thấy là phù hợp cần được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Cử Thị C phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 ; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28, Điều 35, Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng Dân Sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cử Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cử Thị C và anh Giàng A T. Quan hệ hôn nhân của chị Cử Thị C và anh Giàng A T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Cử Thị C là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng Thị X, sinh ngày 27/4/2016 và cháu Giàng Thị P, sinh ngày 11/3/2018 đến khi cháu X và cháu P trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cho anh Giàng A T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Giàng A P, sinh ngày 19/01/2020; Cháu Giàng A D, sinh ngày 14/12/2023 cho đến khi cháu P và cháu D trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Chị Cử Thị C và anh Giàng A T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Cử Thị C chịu 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VNĐ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000477 ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai do chị Cử Thị C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND (2);
- UBND xã D, tỉnh Lào Cai;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 7-Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu HS - Tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Dung

